

THÔNG TƯ

Quy định việc áp dụng chế độ cấp Giấy phép nhập khẩu tự động đối với một số mặt hàng phân bón

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 41/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về cấp phép nhập khẩu hàng hóa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định việc áp dụng chế độ cấp Giấy phép nhập khẩu tự động đối với một số mặt hàng phân bón.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc áp dụng chế độ cấp Giấy phép nhập khẩu tự động đối với một số mặt hàng phân bón thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Phân bón nhập khẩu trong các trường hợp sau đây không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này và được thực hiện theo các quy định quản lý hiện hành:

- a) Phân bón tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyên khẩu, quá cảnh;
- b) Phân bón nhập khẩu để khảo nghiệm, làm hàng mẫu, nghiên cứu khoa học.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, thương nhân thực hiện nhập khẩu phân bón.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU TỰ ĐỘNG

Điều 3. Cấp Giấy phép nhập khẩu tự động

1. Giấy phép nhập khẩu tự động do Bộ Công Thương cấp cho thương nhân dưới hình thức xác nhận Đơn đăng ký nhập khẩu cho mỗi lô hàng.
2. Giấy phép nhập khẩu tự động có giá trị thực hiện trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày được Bộ Công Thương xác nhận.

Điều 4. Cơ quan cấp giấy phép nhập khẩu tự động

1. Cơ quan cấp Giấy phép nhập khẩu tự động là Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương (sau đây gọi là Cơ quan cấp phép).
2. Địa chỉ cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cấp Giấy phép nhập khẩu tự động bao gồm:

- a) Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương: Số 54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;
- b) Văn phòng đại diện Cục Xuất nhập khẩu tại thành phố Hồ Chí Minh: Số 12 Võ Văn Kiệt, Lầu 2, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép nhập khẩu tự động

1. Hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép nhập khẩu tự động bao gồm:
 - a) Đơn đăng ký nhập khẩu tự động: 02 (hai) bản (theo Mẫu số 1 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này);
 - b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề về kinh doanh phân bón: 01 (một) bản sao (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân);
 - c) Hợp đồng nhập khẩu hoặc các văn bản có giá trị tương đương hợp đồng: 01 (một) bản sao (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân);
 - d) Hoá đơn thương mại: 01 (một) bản sao (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân);
 - đ) Tín dụng thư (L/C) hoặc chứng từ thanh toán: 01 (một) bản sao (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân); hoặc xác nhận thanh toán qua ngân hàng (có kèm Giấy đề nghị xác nhận thanh toán qua ngân hàng) theo Mẫu số 2 và Mẫu số 3 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này: 01 (một) bản chính;
 - e) Vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải của lô hàng nhập khẩu: 01 (một) bản sao (có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân).
2. Trường hợp hàng hoá nhập khẩu qua cửa khẩu đường bộ, nhập khẩu từ các khu phi thuế quan, thương nhân không phải nộp vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải nhưng phải nộp Báo cáo tình hình thực hiện nhập khẩu của Đơn đăng ký nhập khẩu đã được xác nhận lần trước theo Mẫu số 4 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu tự động

1. Thương nhân gửi 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép nhập khẩu tự động tới địa chỉ Cơ quan cấp phép quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư này theo đường bưu điện. Ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

2. Thời hạn cấp giấy phép nhập khẩu tự động là 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan cấp phép xem xét, cấp Giấy phép nhập khẩu tự động cho thương nhân; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

4. Giấy phép nhập khẩu tự động được gửi cho thương nhân theo đường bưu điện theo địa chỉ ghi trên Đơn đăng ký.

Điều 7. Cấp lại, sửa đổi và thu hồi Giấy phép nhập khẩu tự động

1. Trường hợp Giấy phép nhập khẩu tự động bị mất, thất lạc hoặc hư hỏng, thương nhân gửi văn bản giải trình, đề nghị cấp lại Giấy phép về Cơ quan cấp phép, kèm theo Đơn đăng ký theo Mẫu số 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan cấp phép nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của thương nhân, Cơ quan cấp phép xem xét, cấp lại Giấy phép nhập khẩu tự động nếu Giấy phép đã cấp còn thời hạn hiệu lực. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này.

2. Trường hợp cần sửa đổi nội dung Giấy phép nhập khẩu tự động đã được cấp, thương nhân gửi văn bản giải trình đề nghị Cơ quan cấp phép sửa đổi, Đơn đăng ký mới (theo Mẫu số 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này) kèm theo các chứng từ liên quan và Giấy phép nhập khẩu tự động đã được xác nhận (bản gốc).

Giấy phép nhập khẩu tự động sửa đổi được cấp trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan cấp phép nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của thương nhân. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này. Trường hợp Cơ quan cấp phép không cấp lại phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

3. Trường hợp Giấy phép nhập khẩu tự động đã cấp không đúng quy định, thương nhân vi phạm các quy định tại Thông tư này hoặc các quy định pháp luật liên quan về quản lý nhập khẩu hàng hóa, Cơ quan cấp phép sẽ thu hồi Giấy phép và thông báo bằng văn bản cho các cơ quan liên quan.

Điều 8. Quy định khác

1. Khi làm thủ tục nhập khẩu, thương nhân phải nộp cho Cơ quan hải quan Giấy phép nhập khẩu tự động đã được cấp cùng với bộ hồ sơ nhập khẩu theo quy định hiện hành và phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về hàng hóa nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành.

2. Phân bón thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục I Thông tư này chỉ được nhập khẩu qua cửa khẩu quốc tế và cửa khẩu chính. Trường hợp đặc biệt, việc nhập khẩu phân bón thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục I Thông tư này qua cửa khẩu phụ, lối mở phải có văn bản cho phép của Bộ Công Thương.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Hiệu lực thi hành

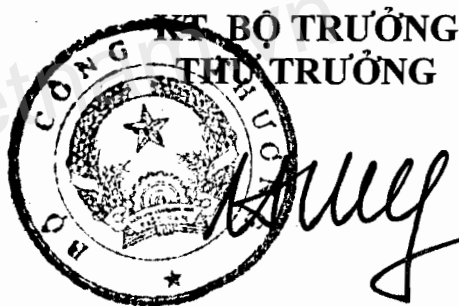
Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2014.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu phát sinh vướng mắc, thương nhân và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Công Thương bằng văn bản để kịp thời xử lý./.

Nơi nhận:

- Ban bí thư T.W Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Tổng cục Hải quan;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các Vụ, Cục, Tổng cục; thuộc Bộ Công Thương;
- Các Sở Công Thương;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, XNK (15).



Cao Quốc Hưng

Phụ lục I

DANH MỤC MẶT HÀNG PHÂN BÓN ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU TỰ ĐỘNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư 35/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 10 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định việc áp dụng chế độ cấp Giấy phép nhập
khẩu tự động đối với một số mặt hàng phân bón)*

Mã hàng hóa	Mô tả hàng hóa
3102.10.00	Urê, có hoặc không ở trong dung dịch nước
3105.20.00	Phân khoáng hoặc phân hóa học có chứa ba nguyên tố cấu thành là nitơ, phospho và kali

Phụ lục II
CÁC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư 35/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định việc áp dụng chế độ cấp giấy phép nhập khẩu tự động đối với một số mặt hàng phân bón)

Mẫu số 1: Đơn đăng ký nhập khẩu theo chế độ cấp phép tự động

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số : **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v Đăng ký nhập khẩu theo chế độ ..., ngày ... tháng ... năm ...
cấp phép tự động

Kính gửi: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương

- Tên Thương nhân:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax:
- Giấy chứng nhận ĐKDN/ĐKKD/ĐT:

Đề nghị Cục Xuất nhập khẩu xác nhận đăng ký nhập khẩu theo chế độ cấp phép tự động quy định tại Thông tư số .../2014/TT-BCT ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, chi tiết về lô hàng như sau:

STT	Tên hàng	Mã HS (8 số)	Nước xuất khẩu	Số lượng hoặc khối lượng	Trị giá (USD)
1
2
...

Hợp đồng nhập khẩu số:.....ngày.....thángnăm.....

Hoá đơn thương mại số.....ngày.....tháng...năm.....

Vận đơn hoặc chứng từ vận tải số:..... ngày.....tháng.....năm...

Chứng từ thanh toán số...ngày...tháng...năm hoặc L/C số...ngày ...tháng...năm....

Tổng số lượng/khối lượng:.....

Tổng trị giá (USD):.....

(Quy đổi ra USD trong trường hợp thanh toán bằng các ngoại tệ khác)

Cửa khẩu nhập khẩu:.....

(Trường hợp nhập khẩu từ khu phi thuế quan, đề nghị ghi rõ)

Thời gian dự kiến làm thủ tục nhập khẩu:

(Ghi dự kiến từ ngày...tháng...năm... đến ngày...tháng...năm...)

Đã đăng ký tại Cục Xuất nhập khẩu

Hà Nội (hoặc Thành phố Hồ Chí Minh),

Ngày.....tháng.....năm 20....

Đăng ký có giá trị thực hiện 30 ngày kể từ ngày Cục Xuất nhập khẩu ký xác nhận

Người đại diện theo pháp luật

của thương nhân

(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 2: Giấy đề nghị xác nhận thanh toán qua ngân hàng

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN THANH TOÁN QUA NGÂN HÀNG

Kính gửi: Ngân hàng

Để hoàn thiện bộ hồ sơ đăng ký cấp giấy phép nhập khẩu tự động theo Thông tư số .../2014/TT-BCT ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Công ty..... (Ghi rõ tên, địa chỉ, Giấy chứng nhận ĐKDN/ĐKKD/ĐT....) đề nghị Ngân hàng xác nhận thanh toán qua ngân hàng cho lô hàng nhập khẩu tự động của công ty chúng tôi cụ thể như sau:

1. Chi tiết lô hàng:

- 1.1. Hợp đồng nhập khẩu số :.....
- 1.2. Hoá đơn thương mại số:.....
- 1.3. Phương thức thanh toán:.....
- 1.4. Tổng giá trị hợp đồng:.....(Bằng chữ và bằng số)

2. Nội dung đề nghị xác nhận:

- 2.1. Công ty chúng tôi hiện có tài khoản số tại Ngân hàng
- 2.2. Tại thời điểm xác nhận, số dư trên tài khoản là:
- 2.3. Thời hạn thanh toán qua ngân hàng chậm nhất là ngày:

3. Cam kết của công ty:

- 3.1. Đảm bảo đủ số tiền thanh toán cho người bán và phải thực hiện thanh toán qua Ngân hàng xác nhận thanh toán. Nếu Công ty vi phạm cam kết này, Ngân hàng có quyền từ chối xác nhận cho những lô hàng sau đó mà không phải chịu trách nhiệm về các chi phí hoặc tổn thất phát sinh khác (nếu có).
- 3.2. Tự chịu các chi phí phát sinh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung khai báo trên, về mọi khiếu nại, tổn thất phát sinh do việc chúng tôi đề nghị Ngân hàng phát hành văn bản xác nhận này.
- 3.3. Chỉ sử dụng văn bản này để hoàn tất hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu tự động

Đính kèm:

- Bản sao Hợp đồng nhập khẩu
- Bản sao hoá đơn thương mại

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 3: Giấy xác nhận thanh toán qua ngân hàng

TÊN NGÂN HÀNG

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số :

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY XÁC NHẬN THANH TOÁN QUA NGÂN HÀNG

Theo Giấy đề nghị xác nhận thanh toán qua ngân hàng số cho lô hàng nhập khẩu tự động theo Hợp đồng nhập khẩu số của công ty (tên, địa chỉ, Giấy chứng nhận ĐKDN/ĐKKD/ĐT...), Ngân hàng xác nhận như sau:

1. Công ty hiện có tài khoản số..... tại Ngân hàng chúng tôi. Tại thời điểm xác nhận, số dư trên tài khoản là

2. Công ty đã cam kết sẽ sử dụng tài khoản trên tại Ngân hàng chúng tôi để thanh toán cho lô hàng theo hợp đồng nhập khẩu số:....., có tổng giá trị lô hàng là:.....(Ghi số tiền bằng chữ và bằng số), theo phương thức thanh toán là:

3. Thời gian thanh toán qua ngân hàng chậm nhất là ngày:

4. Giấy xác nhận này chỉ có hiệu lực đến hết ngày (ghi ngày cam kết thanh toán cuối cùng của Công ty) và chỉ để hoàn tất hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu tự động. Nếu Công ty không thực hiện thanh toán qua ngân hàng sau thời hạn nêu trên thì Ngân hàng có quyền từ chối xác nhận cho những lô hàng sau đó mà không phải chịu trách nhiệm về các chi phí hoặc tổn thất phát sinh khác (nếu có).

5. Đây không phải là cam kết thanh toán của ngân hàng đối với người bán.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG
(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 4: Báo cáo tình hình thực hiện nhập khẩu

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHẬP KHẨU

(Đối với hàng hoá nhập khẩu được xác nhận đăng ký nhập khẩu theo thời gian)

Kính gửi: Cục Xuất nhập khẩu – Bộ Công Thương

Thực hiện quy định tại Thông tư số .../2014/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định việc áp dụng chế độ cấp giấy phép nhập khẩu tự động đối với một số mặt hàng, thương nhân báo cáo tình hình thực hiện nhập khẩu như sau:

Tên hàng	Mã HS (8 số)	Số đăng ký (do Cục Xuất nhập khẩu cấp khi xác nhận đăng ký nhập khẩu)	Số tờ khai hải quan	Số lượng/khối lượng	Trị giá (USD)	Số lượng nhập khẩu lũy kế tới thời điểm báo cáo	Trị giá nhập khẩu lũy kế tới thời điểm báo cáo (USD)

Thương nhân cam đoan những thông tin số liệu báo cáo trên đây là đúng.

Người đại diện theo pháp luật của Thương nhân

(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)